

**Biên Bản Họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên (“Đại Hội”) tổ chức Trực Tuyến Vào
Thứ Năm, ngày 15 tháng 4 năm 2020 vào 14.00 giờ.**

Thành phần: **Người sở hữu đơn vị quỹ**
Người sở hữu đơn vị quỹ và đại diện của họ theo danh sách người sở hữu đơn vị quỹ nêu tại Sổ Đăng Ký chốt ngày 18/3/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp.

Ban Đại Diện Quỹ

Ông Mạc Quang Huy
Bà Nguyễn Thị Thủy
Ông Phạm Ngọc Ninh

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ
Thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Công ty Quản lý quỹ

Ban điều hành và nhân viên VCBF, là công ty quản lý quỹ VCBF-FIF

Đại Hội bắt đầu vào 14.00 giờ.

1. Điều kiện tổ chức Đại Hội, chủ tọa Đại Hội, chương trình Đại Hội, ban kiểm phiếu và ban thư ký Đại Hội

36 nhà đầu tư nắm giữ 5.568.041 chứng chỉ quỹ, đại diện cho 74,59% của tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành theo Sổ Đăng Ký chốt ngày 18/3/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, đã tham gia Đại Hội. Theo đó, phù hợp với quy định nêu tại Khoản 4 của Điều 20 của Điều lệ Quỹ VCBF-FIF, Đại Hội được tiến hành.

Đại Hội đã thông qua những nội dung sau:

- i) Thông qua chương trình và nội dung Đại Hội;
- ii) Thông qua ban kiểm phiếu bao gồm: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên độc lập của Ban Đại Diện Quỹ; Bà Trần Thị Hà Linh – Trưởng Phòng Vận hành Công ty Quản lý quỹ; Ông Mai Anh Quân - Trưởng Phòng Triển khai Công ty giải pháp phần mềm OOS.
- iii) Thông qua ban thư ký bao gồm: Bà Vũ Ngọc Quỳnh và Bà Nguyễn Mai Hoa, cùng là nhân viên Công ty Quản lý quỹ.

2. Báo cáo tài chính của Quỹ từ ngày 01/1/2020 đến ngày 31/12/2020 và cập nhật tình hình hoạt động đến ngày 31/3/2021

Ông Huy chủ tọa Đại Hội, đã phát biểu khai mạc và mời ông Vũ Quang Đông, Tổng Giám Đốc VCBF, trình bày tóm tắt tình hình thị trường. Sau đó bà Dương Kim Anh, Phó Giám đốc đầu tư trình bày cập nhật về thị trường chứng khoán và bà Nguyễn Thị Hằng Nga, Giám đốc đầu tư báo cáo chi tiết về hoạt động đầu tư và tài chính của quỹ, định hướng đầu tư cho năm 2021.



Kế hoạch của Quỹ trong năm 2021 là tiếp tục theo đuổi các mục tiêu đầu tư của Quỹ cụ thể là đem lại tổng lợi nhuận trong dài hạn thông qua tăng trưởng vốn và thu nhập bằng cách đầu tư vào chủ yếu các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

3. Báo cáo của Ngân hàng Giám sát

Bà Nguyễn Thị Thủy, thành viên Ban Đại Diện Quỹ cung cấp báo cáo của Ngân hàng giám sát và gửi lời cảm ơn đến Ngân hàng giám sát về những công việc mà ngân hàng thực hiện trong năm vừa qua.

4. Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Thủy, thành viên Ban Đại Diện Quỹ trình bày báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ. Đồng thời Ban Đại Diện Quỹ cũng đã có buổi thảo luận với Công ty kiểm toán về báo cáo tài chính của Quỹ trong cuộc họp ngày 15/3/2021 và chúng tôi nhất trí với Báo cáo tài chính được trình tại đây để Đại hội nhà đầu tư biểu quyết thông qua.

5. Các nghị quyết thông qua tại Đại Hội

Chủ tọa mời ông Phạm Ngọc Ninh trình bày vấn đề cần xin ý kiến của Đại Hội. Đại Hội được yêu cầu thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính năm 2020, sửa đổi Điều Lệ quỹ và ủy quyền của Đại Hội cho Ban Đại Diện Quỹ.

Đại Hội đã thảo luận và biểu quyết:

RẰNG

1. Chấp thuận Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của quỹ VCBF-FIF từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020;
2. Chấp thuận thay đổi tại Điều 9 Điều lệ quỹ về Chiến lược đầu tư (Nghị Quyết Đặc Biệt) như được trình bày tại Phụ lục C đính kèm Biên bản này.
3. Chấp thuận các thay đổi còn lại của Điều lệ quỹ như được trình bày tại Phụ lục C đính kèm Biên bản này.
4. Chấp thuận việc ủy quyền của Đại Hội cho Ban Đại Diện quỹ quyết định 1 số vấn đề thay mặt cho Đại Hội, theo đó quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư nêu tại điểm b), c), d), e), f) và g) của khoản (2) Điều 22 của Điều lệ Quỹ sẽ được trao cho Ban Đại Diện Quỹ.

6. Báo cáo của Ban Kiểm phiếu

Sau phần Hỏi đáp của các nhà đầu tư về thị trường kinh tế và định hướng đầu tư của Quỹ, Ban kiểm phiếu trình bày kết quả kiểm phiếu như sau:

	Nội dung thông qua	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Kết quả
1.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2020	99,956%	0%	0,044%	Chấp thuận
2.	Thay đổi tại Điều 9 Điều lệ quỹ về Chiến lược đầu tư (Nghị Quyết Đặc Biệt)	99,956%	0%	0,044%	Chấp thuận
3.	Các thay đổi còn lại của Điều lệ quỹ	99,956%	0%	0,044%	Chấp thuận
4.	Ủy quyền cho BĐDDQ	99,956%	0%	0,044%	Chấp thuận

7. Thông qua biên bản và nghị quyết Đại Hội

Biên bản và nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua.

Chương trình Đại Hội kết thúc, Chủ tọa cảm ơn thành phần tham dự và Đại Hội kết thúc vào lúc 16.15 giờ cùng ngày.

Biên bản được lập trung thực và chính xác, được đọc và chấp thuận trong Đại Hội.

Xác nhận bởi:

.....
Bà Vũ Ngọc Quỳnh
Đại diện Ban Thư ký

.....
Ông Mạc Quang Huy
Chủ tọa Đại Hội
Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

CÔNG TY
LIÊN DOANH
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN
VIETCOMBANK
S.G.P : 08 - L.D.N.N.G
Q. HOÀN KIẾM - T.P. HÀ NỘI

.....
Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám Đốc Công ty VCBF



PHỤ LỤC C – ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐIỀU LỆ QUỸ VCBF-FIF

Những thay đổi, điều chỉnh sẽ được gạch chân và bôi đậm và những nội dung được xóa đi sẽ được gạch ngang, như sau:

Phần “Cơ Sở Pháp Lý”:

Được viết lại toàn bộ căn cứ theo các Luật, Nghị Định, Thông Tư mới được ban hành:

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019;
2. Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
3. Nghị định số 156/2020/NĐ – CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
4. Thông tư 99/2020/TT – BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
5. Thông tư số 98/2020/TT – BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
6. Thông tư 198/2012/TT – BTC của Bộ Tài chính ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng cho quỹ mở
7. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
8. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
9. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán;
10. Thông tư số 127/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; và
11. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Phần “Định Nghĩa”, Mục “Chứng Chỉ Quỹ”, được viết lại:

“Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.”

Phần Định Nghĩa, Mục “Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “CTQLQ”, được sửa thành:

“có nghĩa là Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank, được thành lập theo giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều 30 31 và có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 31 32 của Điều Lệ này.”

Phần Định Nghĩa, Mục “Đại Lý Chuyển Nhượng”, được sửa thành:

“có nghĩa là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền theo như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 41 của Điều lệ này.”

Phần Định Nghĩa, Mục “Đại Lý Phân Phối”, được viết lại:

“Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ và/hoặc công ty quản lý quỹ”

Phần Định Nghĩa, Mục “Đơn Vị Quỹ”, được xóa bỏ

Phần Định Nghĩa, Mục “Hội Đồng Định Giá”, được sửa thành:

“được Công Ty Quản Lý Quỹ VCBF lập ra để giám sát việc xử lý, tính toán NAV của Quỹ và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc định giá. Hội Đồng Định Giá được quy định chi tiết trong Sổ Tay Định Giá”

Phần Định Nghĩa, Mục “Năm Tài Chính”, được sửa thành:

“có nghĩa như định nghĩa tại Điều 47 **48** của Điều Lệ này.”

Phần Định Nghĩa, Mục “Ngày Giao Dịch”, được sửa thành:

“có nghĩa là ngày làm việc mà Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ phát hành và/hoặc mua lại chứng chỉ quỹ như quy định tại Điều 16.2 của Điều Lệ này.”

Phần “Định Nghĩa”, Mục “Ngân Hàng Giám Sát”, được sửa thành:

“có nghĩa là ngân hàng quy định tại Điều 7 được chỉ định để cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, hợp đồng kinh tế, và các tài liệu khác liên quan đến tài sản của Quỹ; giám sát hoạt động của Quỹ; giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định trong Điều 35 **36** của Điều Lệ này.”

Phần Định Nghĩa, Mục “Nghị Quyết Đặc Biệt”, được sửa thành:

“có nghĩa là nghị quyết được Nhà Đầu Tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 3 **5** Điều 22 **23**”

Phần “Định Nghĩa”, Mục “Nghị Quyết Thông Thường”, được sửa thành:

“có nghĩa là một nghị quyết được Nhà Đầu Tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 3 **5** Điều 22 **23**.”

Phần “Định Nghĩa”, Mục “Nhà Đầu Tư”, được sửa thành:

“là cá nhân hoặc tổ chức **nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ** được đăng ký trong Sổ Đăng Ký.”

Phần “Định Nghĩa”, Mục “Quỹ Hưu Trí”, được sửa thành

“là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động theo quy định pháp luật. Quỹ Hưu Trí có thể là Nhà Đầu Tư vào Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF.”

Phần “Định Nghĩa”, Mục “Sổ Đăng Ký **Nhà Đầu Tư Chính**”, được viết lại

“Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Chính

là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Chính có thể được gọi tắt là Sổ Chính.”

Phần “**Định Nghĩa**”, Mục “**Sổ Tay Định Giá**”, được thêm mới như sau:

“được **Công Ty Quản Lý Quỹ VCBF** lập ra nhằm mục đích cung cấp phương pháp định giá trung thực và công bằng để định giá tài sản của Quỹ phù hợp với Điều Lệ của Quỹ và quy định pháp luật.”

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán, Khoản 1, được sửa lại:

“1. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Vốn Điều Lệ sẽ được chia thành các Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VND (mười nghìn đồng Việt Nam). **Vốn Điều Lệ của Quỹ khi thành lập quỹ (hoàn thành IPO) là 56.581.812.800 VND (năm mươi sáu tỷ năm trăm tám mươi mốt triệu tám trăm mười hai ngàn tám trăm đồng).**”

Điều 9. Chiến lược đầu tư, Khoản 1 cũ được xóa bỏ

Điều 9. Chiến lược đầu tư, Khoản 1 (Khoản 2 cũ) được viết lại như sau:

“1. Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm:

- (a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- (b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật;
- (c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- (d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- (e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản được nêu tại điểm (e) khoản 1 của Điều 9 này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành
- (f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- (g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ”

Quỹ được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật

Các tài sản đầu tư trên đây là theo quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp quy định pháp luật thay đổi thì tài sản đầu tư của Quỹ sẽ tự động thay đổi tương ứng phù hợp với quy định pháp luật mới.

Quỹ kiếm tìm lợi nhuận theo một chiến lược đầu tư minh bạch và nghiêm ngặt. Quỹ duy trì danh mục đa dạng các loại tài sản cho thu nhập cố định ở các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm”

Điều 9. Chiến lược đầu tư, Khoản 2 (Khoản 3 cũ) Phân bổ tài sản của Quỹ, được viết lại:

“2. Phân bổ tài sản của Quỹ

Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ đầu tư sẽ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20,0% (Hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.”

Điều 10. Hạn mức đầu tư, được viết lại như sau:

“

1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- (a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản gồm: (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- (b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ ;
- (c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm (a), (b) Khoản 1 Điều 9 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại các điểm (a), (b), (d), (e), (f) của Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này mà được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT - BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
- (e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào tài sản quy định điểm (e) Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này;
- (f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (b), (d), (e) và

- (g) Khoản 1 Điều 9 của Điều Lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF – FIF;
- (i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- (k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành, trừ trường hợp quỹ trái phiếu;
- (l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi quy định tại điểm 9.1(a), 9.1(b) của Điều 9 “Chiến lược Đầu tư” (nêu ở bên trên) phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Các hạn mức đầu tư trên đây là theo quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp quy định pháp luật thay đổi thì hạn mức đầu tư của Quỹ sẽ tự động thay đổi tương ứng phù hợp với quy định pháp luật mới.

2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản 1 (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:
- (a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - (b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - (c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - (d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
 - (e) Quỹ đang trong thời gian giải thể
3. Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư được quy định tại Mục 2 (a), (b), (c), (d) Điều này, VCBF có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Khoản 1 của Điều này trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.
- Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì VCBF không tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, VCBF phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, VCBF phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi lợi nhuận đã có được cho Quỹ.
4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán

Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.”

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ, Khoản 1, 2, 3, 4 được viết lại thành Khoản 1, 2, 3 như sau:

1. “Công ty quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty quản lý Quỹ không được vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng Tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.”

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ, Khoản 4 (Khoản 5 cũ), được sửa lại:

“4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trái phiếu Chính phủ phù hợp với quy định của Bộ Tài chính”

Điều 13. Nhà Đầu Tư, Khoản 3, được sửa lại:

“3. Nhà đầu tư là Quỹ Hưu Trí phải cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ như đối với Nhà đầu tư là tổ chức và tuân thủ (các) Điều lệ Quỹ Hưu Trí mà họ làm đại diện hoặc điều khoản hợp tác cũng như quy định của Pháp Luật”

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư, được viết lại như sau:

1. “Nhà Đầu Tư có quyền:
 - a. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
 - b. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ đầu tư chứng khoán;
 - c. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở phù hợp với quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch;
 - d. Khởi kiện công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
 - e. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
 - f. Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch;
 - g. Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

- h. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
- i. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch);
- j. nhân thanh toán và phân chia, nếu có, do Quỹ thực hiện tại từng thời điểm và được phân chia tài sản hợp pháp nếu Quỹ bị thanh lý;
- k. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
2. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:
- a. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch;
- b. chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ; chịu trách nhiệm với tư cách là người sở hữu Quỹ đối với các tổn thất hoặc nợ của Quỹ, nếu có, được giới hạn trong và không vượt quá số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ;
- c. tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ nếu được uỷ quyền để đưa ra các quyết định đó phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- d. đồng ý rằng các thông tin của Người Sở Hữu Chứng Chỉ Quỹ có thể tiết lộ cho cơ quan nhà nước Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- e. Nhà Đầu Tư là Quỹ Hưu Trí có nghĩa vụ thực hiện quyền của họ cũng theo quy định của Pháp Luật trong lĩnh vực hưu trí và các bản điều lệ hoặc điều khoản hợp tác.
- f. Các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
- b. Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
- Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ;
- c. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp thông báo mời họp đại hội nhà đầu tư có quy định thời hạn khác;

- e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lê Quy.
4. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền Đề cử người vào ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
5. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.”

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, Khoản 1, được sửa thành:

“1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ ủy quyền cho Đại Lý Chuyển Nhượng lập và quản lý Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Chính (Sổ Chính) và đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phụ (“Sổ Phụ”) để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.”

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, Khoản 2, Điểm a, được sửa lại:

“a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và ngân hàng lưu ký; tên đầy đủ của Quỹ.”

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, Khoản 2, Điểm b, được thêm mới:

“b. Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;”

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, Khoản 2, Điểm c (điểm b cũ), được sửa lại:

c. “Thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm:

- Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có), số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu, tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
- Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt (nếu có), tên giao dịch (nếu có), địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu, tỷ lệ sở hữu, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó.”

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, Khoản 2, Điểm “c” cũ, được điều chỉnh thứ tự thành điểm “d” mới

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, Khoản 2, Điểm “d” cũ, được xóa bỏ

“d. Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ Đăng Ký hoặc Sổ phụ.”

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, Khoản 2, Điểm e, được thêm mới:

“e. Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.”

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, Khoản 3, được sửa lại:

“3. Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh theo yêu cầu của Pháp Luật, ngoại trừ thông tin về Nhà Đầu Tư của các đại lý ký danh nước ngoài. Thông tin về tài sản phần nắm giữ của Nhà Đầu Tư và của đại lý ký danh nước ngoài trong Sổ chính Đăng Ký kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Đơn Vị Quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm khi thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật trong Sổ Đăng Ký”

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Khoản 1, được sửa lại:

*“1. Sau **Trong** thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai lần mỗi tháng”*

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Khoản 2

“2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ vào ngày Thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là Ngày Làm Việc (“Ngày Giao Dịch”). Nếu Ngày Thứ Tư không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo. Nếu Ngày Làm Việc tiếp theo đó là ngày Thứ Ba, thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Thứ Tư của tuần đó.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch do nghỉ lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang web của Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch hoặc/và Ngày Giao Dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.”

Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Khoản 2, điểm b, được sửa lại:

“Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà đầu tư cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).”

Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Khoản 3, đoạn nội dung cuối cùng, được sửa lại:

“Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ lập cho Quỹ trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện trên trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ báo cáo BDDQ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra các sự kiện có thể tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của Pháp Luật”

Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Khoản 6, được sửa lại:

“6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 3 của Điều này chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư”

Điều 18. Giá dịch vụ, giá bán và giá mua lại Đơn Vị Quỹ, Khoản 1, 2, được thêm mới vào bên dưới đoạn “Giá dịch vụ liên quan đến giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do Nhà Đầu Tư trực tiếp thanh toán và không tính vào chi phí của Quỹ.”:

1. “Giá phát hành

Giá phát hành (giá bán) một chứng chỉ quỹ (tức là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ) được tính bằng bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).

2. Giá mua lại

Giá mua lại một đơn vị quỹ (tức là mức giá mà công ty quản lý quỹ mua lại CCO) được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có).”

Điều 18. Giá dịch vụ, giá bán và giá mua lại Đơn Vị Quỹ, Khoản 4 (Khoản 2 cũ) Giá dịch vụ mua lại, được sửa lại:

“Giá dịch vụ mua lại tối đa 3,0% (ba phần trăm) trên giá trị giao dịch NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ của số lượng CCO bán ra và được trừ vào khoản tiền trả cho Nhà đầu tư theo lệnh bán.

Giá dịch vụ mua lại cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF.

Nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ của Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP) trước ngày tròn một (01) năm kể từ ngày bắt đầu sẽ phải trả thêm một khoản tiền nữa vào Giá dịch vụ mua lại và được công bố theo thông báo tại từng thời điểm trên trang web của VCBF nhưng tổng cộng không vượt quá 3% của giá trị giao dịch.”

Điều 18. Giá dịch vụ, giá bán và giá mua lại Đơn Vị Quỹ, Khoản 5 (Khoản 3 cũ) Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ, được sửa lại:

“Giá dịch vụ chuyển đổi tối đa là mức chênh lệch giữa Giá Dịch Vụ Phát Hành của Quỹ mục tiêu với Giá Dịch Vụ Mua Lại của Quỹ rời đi tại thời điểm thực hiện việc chuyển đổi nếu sự khác biệt này là lớn hơn không (0) và không quá mức tối đa theo quy định của Pháp Luật, và tối đa là 3% của giá trị giao dịch. Mức Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ cụ thể sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ công bố trên website tùy theo từng thời điểm.”

Lệnh chuyển đổi Quỹ sẽ không bị tính giá dịch vụ mua lại. Thời gian nắm giữ các Đơn Vị Quỹ của Quỹ mục tiêu được tính lại từ thời điểm chuyển đổi.”

Điều 18. Giá dịch vụ, giá bán và giá mua lại Đơn Vị Quỹ, Khoản 6 (Khoản 4 cũ), được sửa lại:

“Nhà đầu tư phải trả một mức Giá dịch vụ chuyển nhượng tối đa là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ. Giá dịch vụ chuyển nhượng cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF. Giá dịch vụ chuyển nhượng do người chuyển nhượng thanh toán.”

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 1, được sửa thành:

“1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà Đầu Tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của đại hội 21 (hai mươi một) +0 (mười) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội. Phù hợp với quy định pháp luật, Đại Hội Nhà Đầu Tư (hàng năm hoặc bất thường) có thể được tiến hành theo hình thức cuộc họp trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản, hình thức cuộc họp trực tuyến, hoặc hình thức phù hợp khác.”

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 2, được sửa thành:

“Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm vào hoặc trước ngày 15 30 tháng 4 hàng năm.”

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 3 (cũ), 4 (cũ), Khoản 5 (cũ), được xóa bỏ

Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường, được thêm mới vào sau Điều 20, như sau:

“1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong thời hạn do Pháp Luật quy định theo yêu cầu của:

- a. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;*
- b. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm nhà đầu tư nắm giữ ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ khi nhận thấy:*
 - Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;*

- Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế.

2. Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ hoặc Nhà Đầu Tư hoặc nhóm nhà đầu tư yêu cầu triệu tập họp bất thường sẽ phải nêu rõ các lý do hợp lý kèm theo tài liệu chứng minh để triệu tập cuộc họp đó trong yêu cầu gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Tối thiểu 21 ngày trước khi diễn ra cuộc họp đại hội nhà đầu tư bất thường, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.”

Điều 22 (Điều 21 cũ). Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 2, được viết lại:

“

2. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Nhà Đầu Tư có quyền:

- a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ;
- b. Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- c. Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ, giải thể Quỹ; thay đổi thời gian hoạt động của Quỹ;
- d. Quyết định phương án phân phối lợi tức;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, doanh nghiệp thăm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- f. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- g. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
- h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.”

Điều 22 (Điều 21 cũ). Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 3, được sửa lại:

“Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề nêu từ điểm b, c, d, e, f, g đến điểm f, của Khoản 2 của Điều này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.”

Điều 23 (Điều 22 cũ). Điều Kiện và thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 1, Khoản 2, được thêm mới

1. “Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tiến hành khi có sự tham gia của Nhà Đầu Tư đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) của tổng số Đơn Vị Quỹ có quyền biểu quyết. Nhà Đầu Tư có thể tham gia trực tiếp, hoặc thông qua ủy quyền, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc thông qua bỏ phiếu điện tử, hoặc thông qua biểu quyết ý

bằng văn bản (hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp nào khác) được tiến hành trước hoặc tại thời điểm đại hội phù hợp quy định của pháp luật.

- Trong vòng một khoảng thời gian hợp lý ít nhất 30 (ba mươi) phút kể từ thời gian dự kiến tiến hành đại hội hoặc một thời hạn khác được nêu trong thông báo mời họp, nếu tỷ lệ tham gia tối thiểu của Nhà Đầu Tư không đạt yêu cầu, Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ không được tiến hành. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ hai sẽ được tiến hành trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất dự định khai mạc mà không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham gia.”

Điều 23 (Điều 22 cũ). Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 4 (Khoản 2 cũ), được sửa lại: “Đại hội nhà đầu tư thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp quy định pháp luật khác. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng hình thức cuộc họp, biểu quyết nghị quyết sẽ được thực hiện dưới hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu và/hoặc thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử được tiến hành tại hoặc trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Theo yêu cầu của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc ít nhất ba Nhà Đầu Tư có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền của họ yêu cầu thay đổi, bất kỳ biểu quyết nào dưới hình thức giơ tay sẽ được chuyển thành biểu quyết dưới hình thức bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ có một lá phiếu.”

Điều 23 (Điều 22 cũ). Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư
Khoản 5 (Khoản 3 cũ)

Được sửa lại:

“Nghị quyết sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng hình thức cuộc họp thông qua nếu được những Nhà Đầu Tư đại diện cho **trên 50% (năm mươi phần trăm)** ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư tham gia thông qua (“Nghị Quyết Thông Thường”), trừ khi nghị quyết đó liên quan đến vấn đề quy định tại Điểm b, c, ~~hoặc g~~ của Khoản 2 của Điều 22-24 của Điều Lệ này, mà trong trường hợp đó nghị quyết chỉ được thông qua nếu Nhà Đầu Tư đại diện cho **trên ít nhất 65%** (sáu mươi lăm phần trăm) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư tham dự bằng hình thức cuộc họp thông qua (“Nghị Quyết Đặc Biệt”).”

Điều 23 (Điều 22 cũ). Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 6 (Khoản 4 cũ), được sửa lại: “Các vấn đề do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định cũng có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, bằng bỏ phiếu điện tử hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp nào khác trên nguyên tắc gửi dự thảo nghị quyết (dưới hình thức bản in, bản điện tử hoặc bất cứ hình thức hợp pháp khác) tới tất cả Nhà đầu tư để lấy ý kiến của Nhà đầu tư. Trừ khi nghị quyết có liên quan đến vấn đề quy định tại Điểm b, c, ~~hoặc g~~ của Khoản 2 của Điều 22-24 của Điều lệ này, bất cứ vấn đề nào được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư sẽ chỉ được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho **trên 50% (năm mươi phần trăm)** ít nhất năm một phần trăm (51%) tổng số Đơn Vị Quỹ **có quyền** tham gia biểu quyết ý kiến thông qua. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo về thời gian, nội dung cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư ít nhất **hai mươi một (21)** ~~mười lăm (15)~~ ngày trước ngày thực hiện. Nhà Đầu Tư phải gửi ý kiến của mình Ý kiến Nhà Đầu Tư phải được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc hoàn thành biểu

quyết trước hoặc trong ngày thực hiện lấy ý kiến Nhà Đầu Tư (thời gian cụ thể theo thông báo mời họp). Phù hợp với quy định pháp luật, các vấn đề chi tiết khác liên quan đến trình tự thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư (nếu có) sẽ được Ban Đại Diện Quỹ quyết định. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 23 (Điều 22 cũ). Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 6 cũ, Khoản 7 cũ, được xóa bỏ

Điều 23 (Điều 22 cũ). Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 7 (Khoản 5 cũ), được sửa lại: “Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ hai được tổ chức theo quy định tại Khoản 2 § Điều 23 20 của Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được những Nhà đầu tư đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư tham gia thông qua cho mọi vấn đề trừ vấn đề quy định tại Điểm (b), (c), (g) của Khoản 2 của Điều 22 Điều Lệ này 21, mà trong trường hợp đó nghị quyết chỉ được thông qua nếu Nhà đầu tư đại diện cho trên ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số Đơn Vị Quỹ của các nhà đầu tư tham dự bằng hình thức cuộc họp thông qua.”

Điều 23 (Điều 22 cũ). Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 8, được viết lại: “Sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ, BDDQ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN theo quy định pháp luật”

Điều 23 (Điều 22 cũ). Thủ tục tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 9, được sửa lại: “Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư thường niên hoặc bất thường được tiến hành theo hình thức cuộc họp trực tuyến hoặc bất kỳ hình thức tương tự nào khác được phù hợp quy định Pháp luật, các quy định cho cuộc họp thông thường sẽ được áp dụng với những nội dung tương ứng và/hoặc tuân theo các thủ tục được nêu trong thông báo mời họp. Ngân hàng giám sát, Công ty kiểm toán có quyền tham dự trực tiếp hoặc qua phương thức trực tuyến và tuân theo ~~đảm bảo rằng các~~ thủ tục cuộc họp phù hợp với Điều lệ Quỹ và pháp luật”

Điều 24 (Điều 23 cũ). Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 1, được sửa lại: “1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định về các nội dung quy định tại điểm b), c), g Khoản 2 Điều 22 21 của Điều Lệ này có thể yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ khác cùng thuộc quản lý của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ của những Nhà Đầu Tư, số tài khoản lưu ký, và số lượng Đơn Vị Quỹ và lý do yêu cầu bán hoặc chuyển đổi sang quỹ khác và gửi tới trụ sở chính của ~~tho~~ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc đại lý phân phối ký danh trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư ra quyết định đó hoặc kết quả xin ý kiến bằng văn bản được công bố.”

Điều 24 (Điều 23 cũ). Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Khoản 2, được sửa lại:

“Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà Đầu Tư được gửi tới trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc đại lý phân phối. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi. Trong trường hợp Chứng Chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo Khoản 1 của Điều này, Nhà Đầu Tư đó không phải trả giá dịch vụ mua lại hoặc giá dịch vụ chuyển đổi quỹ.”

Điều 25 (Điều 24 cũ). Ban Đại diện Quỹ, Khoản 1, được sửa lại:

“1. Ban Đại Diện Quỹ có tối thiểu 3 (ba) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên là thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ được bầu tại cuộc họp đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản hoặc được Ban Đại Diện Quỹ bầu / bổ nhiệm (nếu Ban Đại Diện Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền)”

Điều 26 (Điều 25 cũ). Tiêu chuẩn, nhiệm kỳ của ~~Bổ nhiệm và Miễn nhiệm~~ thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 1, điểm c, được sửa lại:

“c. Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực ~~vừa nêu trên hoặc có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản~~”

Điều 26 (Điều 25 cũ). Tiêu chuẩn, nhiệm kỳ của ~~Bổ nhiệm và Miễn nhiệm~~ thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 2, được thêm mới:

“2. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

- a. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị
- b. Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;”

Điều 26 (Điều 25 cũ). Tiêu chuẩn, nhiệm kỳ của ~~Bổ nhiệm và Miễn nhiệm~~ thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 3 (Khoản 2 cũ), được sửa lại:

“3. Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 05 (năm) 3 (ba) năm và có thể được bầu lại cho số lượng nhiệm kỳ không bị giới hạn”

Điều 26 (Điều 25 cũ). Tiêu chuẩn, nhiệm kỳ của ~~Bổ nhiệm và Miễn nhiệm~~ thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 4, được thêm mới:

“4. Trường hợp Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ được bầu tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, trình tự thủ tục bầu cử, nếu có, sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.”



Phù hợp với quy định pháp luật, nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ có thể thay mặt Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn/bổ nhiệm Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ”

Điều 26 (Điều 25 cũ). Tiêu chuẩn, nhiệm kỳ của Bỏ nhiệm và Miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 6 (Khoản 4 cũ), được viết lại:

“Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ cấu Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều Lệ này, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.”

Điều 27 (Điều 26 cũ). Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ, được viết lại:

1. “Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư, thực hiện các phù hợp quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư, có mặt trực tiếp hoặc thông qua phương thức liên lạc khác đã được thống nhất để tham gia vào các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách tổ chức tín dụng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định hiện hành;
3. Trong phạm vi thẩm quyền, chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo phương thức thỏa thuận và/hoặc các giao dịch khác mà cần phải có sự phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định pháp luật. Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của quỹ.
4. Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phù hợp với quy định của Pháp Luật;
6. Quyết định các vấn đề phù hợp với Khoản 3 Điều 22 của Điều Lệ này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền.
7. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
8. Trong trường hợp quyết định do BDDQ thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
9. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ có nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, vì quyền lợi của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ.
10. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ tham gia đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được thảo luận trong cuộc họp.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo đúng quy định pháp luật.”

Điều 28 (Điều 27 cũ). Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 1, được sửa lại:

"1. Chủ Tịch là thành viên độc lập, được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra hoặc được Ban Đại Diện Quỹ bầu/bổ nhiệm, sẽ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư, trừ trường hợp được quyết định khác theo Điều Lệ này Khoản 1 Điều 22;
- b. yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư; và
- c. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật."

Điều 28 (Điều 27 cũ). Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 2, được viết lại:

"Trong trường hợp Chủ Tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nhiệm vụ được giao, các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ sẽ lựa chọn, theo nguyên tắc nhất trí, một thành viên độc lập trong số họ tạm thời giữ vị trí Chủ Tịch và chỉ được tạm thời giữ như thế trong trường hợp Chủ Tịch vẫn tiếp tục vắng mặt, cho đến khi Chủ Tịch mới được bầu/bổ nhiệm."

Điều 29 (Điều 28 cũ). Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ, được sửa lại

"Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong một trong những trường hợp sau:

- a. bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b. hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c. vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 2 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- d. không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại ~~Khoản 1, Điều 25 của Điều Lệ này~~, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- e. bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ."

Điều 30 (Điều 29 cũ). Họp Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 2, được sửa lại:

"Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ trên 50% (năm mươi phần trăm) ~~ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm)~~. Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác"

Điều 30 (Điều 29 cũ). Họp Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 4, được sửa lại:

"Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được trên 50% (năm mươi phần trăm) ~~51% (năm mươi một phần trăm)~~ số thành viên tham dự và trên 50% (năm mươi phần trăm) ~~51% (năm mươi một phần trăm)~~ số thành viên độc lập thông qua"

Điều 30 (Điều 29 cũ). Họp Ban Đại Diện Quỹ, Khoản 5, được sửa lại:

"Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ, rõ ràng vào biên bản. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ dự họp, thư ký cùng ký tên vào biên bản cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được

lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ quy định pháp luật. Chủ tịch và thư ký được bổ nhiệm cho cuộc họp, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 32 (Điều 31 cũ). Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 1, được sửa thành:

“1. Công Ty Quản Lý Quỹ luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều Lệ này, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

*Các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1 và **Phụ lục 3** của Điều Lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ này”*

Điều 32 (Điều 31 cũ). Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 2, điểm a, được sửa lại:

*“nhận giá dịch vụ quản lý như quy định tại Điều 57 **58** của Điều Lệ này”*

Điều 33 (Điều 32 cũ). Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 2, được sửa lại:

*“Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác. Công ty quản lý quỹ thay thế phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 30 **31** của Điều Lệ này. Công ty quản lý quỹ bị thay thế có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ chứng từ và các thông tin liên quan đến Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo công ty quản lý quỹ thay thế có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này”*

Điều 34 (Điều 33 cũ). Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 1, được sửa lại:

*“1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. **Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan, hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ.** Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại **các ngân hàng này** Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.”*

Điều 34 (Điều 33 cũ). Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 3, được thêm mới

“3. Công Ty Quản Lý Quỹ Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát (nếu có), Ban điều

hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản của khách hàng ủy thác, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý theo nguyên tắc sau:

- (a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch chứng khoán;
- (b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức quy định tại khoản a Điều này, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác, công ty đầu tư chứng khoán hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, công ty đầu tư chứng khoán hoặc Ban đại diện quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, giá dịch vụ giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.”

Điều 34 (Điều 33 cũ). Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 4 (Khoản 3 cũ), được viết lại:

“Mọi giao dịch chứng khoán do thành viên Ban điều hành, hội đồng quản trị, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc hoặc nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo lên phòng kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch diễn ra và phải quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của phòng kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nói trên phải bao gồm tên chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện giao dịch, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch và phải được lưu tại bộ phận kiểm soát nội bộ và được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu”

Điều 34 (Điều 33 cũ). Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 5 (Khoản 4 cũ), được sửa lại:

“Thành viên hội đồng quản trị, Ban điều hành, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc nhận, dưới danh nghĩa của bất kỳ cá nhân nào hay của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào ngoài các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch Của Quỹ.”

Điều 34 (Điều 33 cũ). Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 6 (Khoản 5 cũ), điểm a, được sửa lại:

“a. sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào chính Quỹ”

Điều 34 (Điều 33 cũ). Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 6 (Khoản 5 cũ), điểm c, được thêm mới:

“c. sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành Công Ty Quản Lý Quỹ, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên nắm giữ trên 10 (mười) % vốn điều lệ”

Điều 34 (Điều 33 cũ). Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 6 (Khoản 5 cũ), điểm d (điểm c cũ), được sửa lại:

“sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác.

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.”

Điều 34 (Điều 33 cũ). Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Khoản 6 (Khoản 5 cũ), điểm e, được thêm vào bên trên điểm f mới (điểm d cũ) như sau:

“e. ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.”

Điều 35 (Điều 34 cũ). Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát, được viết lại:

“Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- 1. Là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;*
- 2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát;*
- 3. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng (sau đây gọi tắt là nhân viên nghiệp vụ) không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và ngược lại;*
- 4. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.*
- 5. Có đầy đủ năng lực và đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký theo quy định pháp luật tại từng thời điểm; và*
- 6. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.”*

Điều 36 (Điều 35 cũ). Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát, Khoản 1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát, được viết lại:

- a. “Ngân Hàng Giám Sát luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà Đầu Tư trong việc giám sát việc quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư và tuân thủ theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.*
- b. Ngân Hàng Giám Sát phải chịu trách nhiệm cho những thiệt hại gây ra cho Quỹ trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát có sai sót, không tuân thủ Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.*

- c. Ngân Hàng Giám Sát đảm bảo thực hiện giám sát các hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ phù hợp quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
- d. Ngân Hàng Giám Sát cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ phù hợp với quy định pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều Lệ Quỹ.
- e. Ngân Hàng Giám Sát phải tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát.
- f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g. Ngân Hàng Giám Sát phải giám sát việc tính toán NAV của Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ và đảm bảo NAV của Quỹ là chính xác.
- h. Ngân Hàng Giám Sát phải xử lý các chỉ thị hợp pháp và hợp lệ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc có thể từ chối các chỉ thị đó nếu có cơ sở tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối cùng với lý do phải được gửi bằng văn bản tới Công Ty Quản Lý Quỹ và bản sao của việc từ chối này phải được gửi đến UBCKNN.
- i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k. Theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập, hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể và các trường hợp khác theo chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
- l. Tùy theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ tại từng thời điểm và đã được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tới Ngân hàng giám sát trước ít nhất 5 ngày làm việc, Ngân Hàng Giám Sát sẽ tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp đại hội nhà đầu tư của Quỹ, các cuộc họp ban đại diện Quỹ, nhưng không có quyền biểu quyết”

Điều 37 (Điều 36 cũ). Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát, Khoản 1, được viết lại:

“1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát được đề cập trong Hợp đồng giám sát giữa Ngân hàng giám sát và Công ty Quản Lý Quỹ và theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

- a. Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; giám sát việc xác định NAV, kiểm tra, đảm bảo NAV trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
- b. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của

Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

- c. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
- d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- e. Công ty quản lý quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản, và ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của công ty quản lý quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của công ty quản lý quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại ngân hàng giám sát
- f. Giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
- g. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.”

Điều 37 (Điều 36 cũ). Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát, Khoản 3, được sửa lại:

“3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.”

Điều 37 (Điều 36 cũ). Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát, Khoản 4, được viết lại:

“4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ”

Điều 37 (Điều 36 cũ). Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát, Khoản 5, được viết lại:

“Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ theo quy định, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.”

Điều 37 (Điều 36 cũ). Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát, Khoản 6, được sửa lại:

“Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định NAV của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.”

Điều 38 (Điều 37 cũ). Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát, Khoản 1, điểm c, được sửa lại:

“Quỹ bị giải thể, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.”

Điều 38 (Điều 37 cũ). Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát, Khoản 2, được sửa lại:

“Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám sát phải có thông báo trước ít nhất chín mươi ngày (90) 6 (sáu) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chấm dứt hợp đồng giám sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được hoàn thành, trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác.”

Điều 41 (Điều 40 cũ). Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Khoản 2, điểm b, được sửa lại:

“2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng, bao gồm một số hoặc tất cả các hoạt động sau:

- Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở
 - Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
 - Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;
 - Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
 - Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác
- Lập và quản lý Sổ Đăng Ký; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;*
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ Đăng Ký;*

- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ”

Điều 42 (Điều 41 cũ). Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền, Khoản 10, được viết lại:

“10. Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo về hoạt động ủy quyền theo quy định pháp luật.”

Điều 44 (Điều 43 cũ). Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ, Khoản 1, được viết lại:

“Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác đáp ứng quy định pháp luật tùy theo từng thời kỳ và ký hợp đồng với Công Ty Quản Lý Quỹ về việc phân phối chứng chỉ quỹ mở.”

Điều 50 (Điều 49 cũ). Báo cáo tài chính, Khoản 1, được sửa lại:

“Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ. Phù hợp với quy định tại Điều 38 39 của Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện công việc này. Mọi sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của nhà cung cấp dịch vụ mà Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền. Ban Đại diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.”

Điều 52 (Điều 51 cũ). Xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”), Khoản 1, được viết lại:

“Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ phù hợp quy định pháp luật và Điều Lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ để cung cấp dịch vụ xác định giá trị NAV theo quy định tại Điều 39 của Điều Lệ này nhưng phải kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng việc xác định NAV phải đưa ra giá trị chính xác và hợp lý cho các tài sản của Quỹ và phù hợp với quy định của Pháp Luật”

Điều 52 (Điều 51 cũ). Xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”), Khoản 1, 2, được viết lại:

“1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ phù hợp quy định pháp luật và Điều Lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ để cung cấp dịch vụ xác định giá trị NAV theo quy định tại Điều 39 của Điều Lệ này nhưng phải kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng việc xác định NAV phải đưa ra giá trị chính xác và hợp lý cho các tài sản của Quỹ và phù hợp với quy định của Pháp Luật.”

“2. NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc bằng fax, thư điện tử hoặc phương thức truyền dữ liệu phù hợp của Ngân Hàng Giám Sát, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. NAV của Quỹ và NAV trên Đơn Vị Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn phù hợp với quy định pháp luật và NAV của Quỹ sẽ có giá trị cho đến khi có thông báo mới. Trong thời hạn 24

gì kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng. Việc điều chỉnh lại, công bố thông tin và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.”

Điều 53 (Điều 52 cũ). Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ, Khoản 1, được viết lại:

“1. Phương pháp xác định NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và sẽ tuân thủ Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt”

Điều 53 (Điều 52 cũ). Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ, Khoản 2, được xóa bỏ.

Điều 53 (Điều 52 cũ). Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ, Khoản 2 (Khoản 3 cũ), được viết lại:

“2. Phương pháp xác định NAV của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với chi tiết theo Bảng A hoặc Bảng B như sau:

<u>Bảng A: Giá trị tài sản</u>		
<u>STT</u>	<u>Loại tài sản</u>	<u>Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</u>
<u>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</u>		
<u>1</u>	<u>Tiền (VND)</u>	<u>Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá</u>
<u>2</u>	<u>Ngoại tệ</u>	<u>Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá</u>
<u>3</u>	<u>Tiền gửi kỳ hạn</u>	<u>Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá</u>
<u>4</u>	<u>Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác</u>	<u>Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá;</u>
<u>5</u>	<u>Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá</u>	<u>Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất</u>

	<u>và các công cụ không trả lãi khác</u>	<u>khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá)</u>
<u>Trái phiếu</u>		
<u>6</u>	<u>Trái phiếu niêm yết</u>	<p><u>- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá công lãi lũy kế;</u></p> <p><u>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường (được chi tiết trong sổ tay định giá), là một trong các mức giá sau:</u></p> <p><u>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</u> <u>hoặc</u></p> <p><u>+ Giá mua công lãi lũy kế; hoặc</u></p> <p><u>+ Mệnh giá công lãi lũy kế;</u></p> <p><u>Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá công lãi lũy kế.</u></p>
<u>7</u>	<u>Trái phiếu không niêm yết</u>	<p><u>- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá công lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc</u></p> <p><u>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</u> <u>hoặc</u></p> <p><u>- Giá mua công lãi lũy kế; hoặc</u></p> <p><u>- Mệnh giá công lãi lũy kế;</u></p>

		<u>Trường hợp trái phiếu chính phủ/ trái phiếu chính phủ bảo lãnh/ trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua công lãi lũy kế.</u>
Cổ phiếu		
<u>8</u>	<u>Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch</u>	<p>- <u>Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</u></p> <p>- <u>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau:</u></p> <p>+ <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Ủy chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</u> <u>hoặc</u></p> <p>+ <u>Giá mua; hoặc</u></p> <p>+ <u>Giá trị sổ sách;</u></p> <p><u>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</u></p>
<u>9</u>	<u>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</u>	<p><u>Là một trong các mức giá sau:</u></p> <p>- <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Ủy chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</u> <u>hoặc</u></p> <p>- <u>Giá trị sổ sách; hoặc</u></p> <p>- <u>Mệnh giá;</u></p>
<u>10</u>	<u>Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản</u>	<u>Là một trong các mức giá sau:</u>

		<p><u>- 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</u></p> <p><u>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</u></p>
<u>11</u>	<u>Cổ phần, phần vốn góp khác</u>	<p><u>- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF.</u></p> <p><u>- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:</u></p> <p><u>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</u></p> <p><u>hoặc</u></p> <p><u>+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</u></p> <p><u>+ Giá trị sổ sách.</u></p>
<u>12</u>	<u>Quyền mua cổ phiếu</u>	<p><u>Giá trị quyền mua = Max{0; (Giá cổ phiếu – giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền}</u></p> <p><u>Trong đó:</u></p> <p><u>Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua / Số lượng quyền mua sở hữu.</u></p>
<u>Chứng khoán phái sinh</u>		
<u>13</u>	<u>Chứng khoán phái sinh niêm yết</u>	<u>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</u>
<u>14</u>	<u>Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)</u>	<u>Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.</u>
<u>Các tài sản khác</u>		

15	<u>Các tài sản được phép đầu tư khác</u>	<u>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</u> <u>Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá</u>
----	--	---

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp cần áp dụng một phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới nhưng được đánh giá là thích hợp hơn trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, Công ty quản lý quỹ sẽ phải xin phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ.
- Các phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được quy định chi tiết tại Sổ Tay Định Giá.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của công ty phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu để tham khảo. Nguyên tắc lấy thông tin trên hệ thống báo giá được quy định chi tiết trong Sổ Tay Định Giá.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch

Bảng B: Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

<u>STT</u>	<u>Loại tài sản</u>	<u>Giá trị cam kết</u>
------------	---------------------	------------------------

<u>1</u>	<u>Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)</u>	<u>Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta²</u>
<u>2</u>	<u>Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)</u>	<u>Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta</u>
<u>3</u>	<u>Hợp đồng tương lai chỉ số</u>	<u>Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại</u>
<u>4</u>	<u>Hợp đồng tương lai trái phiếu</u>	<u>Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao</u>
<u>5</u>	<u>Các hợp đồng khác</u>	<u>Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận</u>

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Điều 54 (Điều 53 cũ). Quy trình định giá tài sản Quỹ, Khoản 5, được sửa lại:

“5. Tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ được chuyển đến tài khoản nhà đầu tư **đăng ký/chỉ định** trong vòng năm (05) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ”

Điều 56 (Điều 55 cũ). Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá, được sửa lại:

“~~Hàng năm~~, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình BDDQ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.”

Điều 57 (Điều 56 cũ). Phân phối lợi nhuận, Khoản 1, đoạn nội dung đầu tiên, được sửa lại:

“Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại Diện Quỹ **Đại Hội Nhà Đầu Tư** quyết định phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 21 và Khoản 3 Điều 26 Điều Lệ này theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí nếu Pháp Luật có yêu cầu trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phép phân phối nếu sau khi phân phối:”

Điều 58 (Điều 57 cũ). Chi phí hoạt động của Quỹ, Khoản 5, được sửa lại:

“5. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 VND (mười triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm ~~cho~~ **định kỳ theo thỏa thuận với Đại Lý Chuyển Nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phù hợp với quy định pháp luật, Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận với Đại Lý Chuyển Nhượng.**”

Điều 62 (Điều 61 cũ). Thông báo và công bố thông tin, Khoản 6, được sửa lại:

“6. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố thông tin theo quy định pháp luật và các quy định được ưu tiên áp dụng.”

Điều 63 (Điều 62 cũ). Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ, Khoản 1, được sửa lại:

“1. Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng Nghị Quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của **Điều Lệ này** Khoản 2 Điều 21 và Khoản 3 và 4 Điều 22”

Điều 63 (Điều 62 cũ). Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ, Khoản 2, được viết lại:

“Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.”

Điều 63 (Điều 62 cũ). Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ, Khoản 3, được sửa lại:

“Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, ~~bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 2 của Điều này~~ sẽ phải báo cáo tới UBCKNN. Công Ty Quản lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này”

Điều 64 (Điều 63). Hiệu lực của Điều Lệ, được viết lại:

“Điều Lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho thời hạn không xác định.

Điều lệ được lập bằng Tiếng Việt và có thể được dịch sang Tiếng Anh cho mục đích tham khảo.”

Phụ lục 2 CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, Mục 6, được sửa lại:

“6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản của Quỹ, việc xác định NAV của Quỹ, việc xác định NAV trên một Đơn Vị Quỹ theo quy định của Pháp Luật hiện hành và phù hợp với Điều Lệ”

Phụ lục 3 CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, được bổ sung thêm thông tin về Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, và Mục 2 được sửa lại:

“Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Giấy phép Thành lập và Hoạt động số: 06/UBCK/GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005.

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015”

“2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ trong quá trình hoạt động của Quỹ”

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 tháng 2021

Hanoi, 15 April 2021

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF (VCBF-FIF)
RESOLUTION OF ANNUAL INVESTOR GENERAL MEETING
OF VCBF FIXED INCOME FUND

- Theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Pursuant to Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26 November 2019;
- Theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
Pursuant to Circular No. 98/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance dated 16 November 2020 providing guidance on operation and management of securities investment fund;
- Theo Điều lệ của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF; và
Pursuant to the Charter of VCBF Fixed Income Fund; and
- Theo Biên bản họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu VCBF ngày 15/4/2021;
Pursuant to the Minutes of Annual Investor General Meeting of VCBF Fixed Income Fund dated 15 April 2021.



QUYẾT NGHỊ/RESOLVED THAT

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01/1/2020 đến ngày 31/12/2020.

Article 1. *The audited financial statements of the Fund for the period 01 January to 31 December 2020 are approved.*

Điều 2. Thông qua Nghị Quyết Đặc Biệt đối với thay đổi tại Điều 9 Điều lệ Quỹ về Chiến lược đầu tư như được trình bày tại Biên Bản cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên.

Article 2. *Special Resolution on amendments to Article 9 on Investment Strategies of the Fund Charter as tabled in the Minutes of the Investors General Meeting is approved.*

Điều 3. Thông qua bản Điều lệ Quỹ với những thay đổi còn lại như được trình bày tại Biên Bản cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên.

Article 3. *Other Fund Charter amendments as tabled in the Minutes of the Investors General Meeting are approved.*

Điều 4. Quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư nêu tại điểm b), c), d), e), f) và g) khoản (2) Điều 22 của Điều lệ Quỹ, sẽ được trao cho Ban Đại Diện Quỹ. Nghị quyết này sẽ có hiệu lực cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có nghị quyết khác.

Article 4. *The authority of the IGM to approve motions contained in Art 22 (2) sub-clauses b), c), d), e), f) and g) of the Fund Charter is delegated to the FRB until further notice is approved.*

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021.

Article 5. *The validity of the resolutions of the Investors General Meeting is from 15 April 2021.*



Ông/Mr. Mạc Quang Huy
Chủ tọa Đại Hội/Chairman of the IGM



Ông/Mr. Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc VCBF/Chief Executive Officer

